

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 429 /QĐ-BVTV-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

CÔNG VĂN BẢN

Số:257.....

Ngày 16 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức vật tư, thiết bị và nhân công để nhân nuôi bọ
đuôi kìm (*Chelisoches variegatus*) và ong ký sinh (*Tetrastichus brontispae*,
Asecodes hispinarum) phục vụ phòng chống bọ cánh cứng hại dừa

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng nhiệm vụ, quyền
hạn và tổ chức bộ máy của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Tờ trình số 07/TTr-BVTV ngày 20/02/2020 của Trung tâm bảo vệ
thực vật phía Nam về việc đề nghị ban hành định mức vật tư thiết bị, nhân công
phục vụ nhân nuôi ong ký sinh, bọ đuôi kìm số lượng lớn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định định mức kỹ thuật, vật tư, thiết bị
và nhân công ngày 25/02/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các định mức vật tư thiết bị và nhân công phục vụ nhân
nuôi ong ký sinh (*Tetrastichus brontispae*, *Asecodes hispinarum*) và bọ đuôi
kìm (*Chelisoches variegatus*) áp dụng cho các mô hình phòng chống bọ cánh
cứng hại dừa bằng biện pháp sinh học (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các Trung tâm Bảo vệ thực vật vùng có trách nhiệm phổ biến, hướng
dẫn các địa phương áp dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Kế hoạch, Trưởng phòng
Tài chính, Trưởng phòng Bảo vệ thực vật, Giám đốc các Trung tâm Bảo vệ thực
vật và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Quý Dương



**ĐÌNH MỨC VẬT TƯ, THIẾT BỊ, NHÂN CÔNG
PHỤC VỤ NHÂN NUÔI BỌ ĐUÔI KÌM**

*(Ban hành theo Quyết định số 429 /QĐ-BVTV-KH ngày 10/03/2020
của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)*

1. Quy mô: nhân nuôi 2.300 con bọ đuôi kìm

2. Chứng loại và số lượng vật tư, thiết bị, nhân công

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dụng cụ nhân nuôi		
1.1	Hộp nhựa nuôi bọ đuôi kìm (kích thước 10x15x20 cm)	cái	30
1.2	Thùng nhựa nuôi bọ đuôi kìm (thể tích 20 lít)	cái	15
1.3	Hộp nhựa tròn nhỏ (chứa bông giữ ẩm, chứa thức ăn cho bọ đuôi kìm), đường kính 5 cm, cao 5 cm	cái	180
1.4	Khay nhựa lớn (kích thước 30x40x60 cm)	cái	1
1.5	Bình xịt nhỏ (1 lít)	cái	2
1.6	Kéo cắt cành	cái	1
1.7	Kéo cắt lá	cái	1
1.8	Cọ lớn	cái	1
1.9	Cọ nhỏ	bộ	1
1.10	Cối xay sinh tố (dùng để xay thức ăn)	cái	1
1.11	Kệ (giá) đựng hộp nhân nuôi (5 tầng, kích thước 0,6x1,2 m)	cái	1
1.12	Nhiệt ẩm kế	cái	1
1.13	Găng tay nhựa lớn	đôi	2
1.14	Găng tay y tế	hộp	1
1.15	Khẩu trang y tế	hộp	2
1.16	Cồn thơm	lít	2
1.17	Bông gòn	kg	1
1.18	Băng keo	cuộn	1
1.19	Nhãn Tommy	bộ	3
1.20	Bút bi	cây	2
1.21	Bút lông	cây	2
1.22	Vải voan	mét	10
1.23	Giấy đa năng Pulppy	gói	2
1.24	Khăn lông nhỏ	cái	2
1.25	Lưới cước 2 lớp	miếng	2

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1.26	Chổi lông	cái	1
1.27	Sọt đựng rác	cái	1
1.28	Túi đựng rác	cuộn	2
1.29	Bột giặt	kg	1
1.30	Nước rửa chén	Thùng 5 lít	1
1.31	Cây lau sàn	bộ	1
2	Thức ăn nhân nuôi		
2.3	Thức ăn cho bọ đuôi kìm (cat food -MEO35020)	kg	7
3	Giá thể nhân nuôi Tàu dừa già	tàu	15
4	Công kỹ thuật	công	22
5	Công lao động phổ thông	công	7
6	Khấu hao điều hòa nhiệt độ (1 cái, 12 BTU) 6 tháng	%	6,25
	Điện năng chạy máy điều hòa (6 tháng)	Kw	6.500

**ĐÌNH MỨC VẬT TƯ, THIẾT BỊ, NHÂN CÔNG
PHỤC VỤ NHÂN NUÔI ONG KÝ SINH**

(Ban hành theo Quyết định số 429 /QĐ-BVTV-KH ngày 10/03/2020
của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

1. Quy mô: nhân nuôi 2.000 mummy ong ký sinh.

2. Chủng loại và số lượng vật tư, thiết bị, nhân công

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dụng cụ nhân nuôi		
1.1	Hộp nhựa nuôi bọ dừa, ong ký sinh (kích thước 5x10x20 cm)	cái	40
1.2	Khay nhựa nhỏ (kích thước 10x30x40 cm)	cái	4
1.3	Khay nhựa lớn (kích thước 30x40x60 cm)	cái	1
1.4	Bình xịt lớn (2 lít)	cái	1
1.5	Kéo cắt cành	cái	2
1.6	Kéo cắt lá	cái	2
1.7	Cọ lớn	cái	2
1.8	Cọ nhỏ	bộ	2
1.9	Nhiệt ẩm kế	cái	2
1.10	Kệ (giá) đựng hộp nhân nuôi (5 tầng, kích thước 0,6x1,2 m)	cái	2
1.11	Găng tay nhựa lớn	đôi	2
1.12	Găng tay y tế	hộp	2
1.13	Khẩu trang y tế	hộp	2
1.14	Cồn thơm	lít	2
1.15	Băng keo	cuộn	2
1.16	Nhãn Tommy	bộ	4
1.17	Bút bi	cây	4
1.18	Bút lông	cây	2
1.19	Vải voan	mét	3
1.20	Giấy đa năng Pulppy	gói	4
1.21	Khăn lông nhỏ	cái	4
1.22	Cước 2 lớp	miếng	4
1.23	Chổi lông	cái	2
1.24	Sọt đựng rác	cái	2
1.25	Túi đựng rác	cuộn	3
1.26	Bột giặt	kg	1

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1.27	Nước rửa chén	Thùng 5 lít	1
1.28	Cây lau nhà	bộ	1
2	Thức ăn nhân nuôi		
2.1	Mật ong	lít	0,5
2.2	- Lá dừa non: - Lá dừa già:	tàu tàu	72 48
3	Xăng xe đi thu thập bọ cánh cứng hại dừa, ong ký sinh	km	100
4	Công cán bộ kỹ thuật	công	51
5	Công lao động phổ thông	công	9
6	Khấu hao điều hòa nhiệt độ (1 cái, 12 BTU) 6 tháng	%	6,25
7	Điện năng chạy máy điều hòa (6 tháng)/ 2 máy (*)	kw	13.000

(*): Phòng nhân nuôi bọ cánh cứng hại dừa và phòng nhân nuôi ong ký sinh bố trí riêng 2 phòng do điều kiện nhân nuôi khác nhau.